Ký bởi: Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Định
Ngày ký: 04-08-2022 16:18:21 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2410/QĐ-UBND	*Bình Định, ngày 03 tháng 8 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH ngày 22 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phân bổ ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022 cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Chương trình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 169/TTr-SLĐTBXH ngày 4 tháng 7 năm 2022 và của Sở Tư pháp tại Công văn số 525/STP-HC&BTTP ngày 20 tháng 5 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tư pháp, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Xây dựng, Y tế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- UBTVQH; Chính phủ (*báo cáo*);
- Các Bộ: Lao động -TB&XH, Kế hoạch và Đầu tư; Nông nghiệp và PTNT Tài chính; Thông tin và Truyền thông;
- Ủy ban Dân tộc;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, hội đoàn thể liên quan;
- Lãnh đạo, CV VPUBND tỉnh;
- Trung tâm TH-CB tỉnh;
- Lưu: VT, K20.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 2410/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

Để giữ vững thành quả công tác xóa đói giảm nghèo thời gian qua, tiếp tục phát huy những lợi thế, thế mạnh của từng địa phương, khơi dậy ý thức tự lực, tự cường của các tầng lớp nhân dân nỗ lực vươn lên thoát nghèo và làm giàu. Ngoài ra, phải tiếp tục thực hiện đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững cho mọi người dân, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và tạo cơ hội thuận lợi các đối tượng được tiếp cận nguồn hỗ trợ của Nhà nước trong giai đoạn 2021 - 2025 để phát triển sản xuất, tăng thu nhập và vươn lên thoát nghèo. Thực hiện thành công mục tiêu không để ai bị bỏ lại phía sau trong sự phát triển của đất nước, của dân tộc. Thực hiện chủ trương của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025, với các nội dung sau:

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống; hỗ trợ huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn.

2. Mục tiêu cụ thể

- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm bình quân chung của tỉnh từ 1,5%-2%/năm, trong đó: Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm từ 3% đến 4%/năm;

- Tỷ lệ hộ nghèo ở huyện nghèo An Lão giảm bình quân trên 5%/năm.

3. Các kết quả và chỉ tiêu chủ yếu cần đạt được đến năm 2025

a) Chỉ tiêu chủ yếu

- Phấn đấu giảm ½ số hộ nghèo, hộ cận nghèo so với đầu kỳ theo tiêu chí nghèo đa chiều của quốc gia.

- 100% huyện nghèo được hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội liên kết vùng, phục vụ dân sinh, sản xuất, thương mại, lưu thông hàng hóa và cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản; ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, gồm: Đường giao thông, trường học, cơ sở y tế, cầu, hạ tầng điện, công trình thủy lợi;

- Hỗ trợ xây dựng nhân rộng trên 100 mô hình, dự án giảm[1] nghèo phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo sinh kế, việc làm, thu nhập bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo;

- Phấn đấu 80% người có khả năng lao động, có nhu cầu thuộc hộ nghèo, hộ trên địa bàn huyện nghèo được hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập;

- Phấn đấu hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo có ít nhất một thành viên trong độ tuổi lao động có việc làm bền vững;

- 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo; lập kế hoạch có sự tham gia, xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng và nghiệp vụ giảm nghèo.

b) Các chỉ tiêu giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản

- Chiều thiếu hụt về việc làm:

+ 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm.

+ Tối thiểu 3.500[2] người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo vùng nghèo, vùng khó khăn được hỗ trợ kết nối việc làm thành công.

+ Có ít nhất 190[3] người lao động thuộc huyện nghèo được hỗ trợ đào tạo; trong đó, có 114[4] lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (ít nhất 80% hộ gia đình có người đi làm việc ở nước ngoài sẽ thoát nghèo). Hỗ trợ 120[5] người lao động tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo các Hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận.

- Chiều thiếu hụt về y tế: 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ bảo hiểm y tế; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 16 tuổi tại huyện nghèo dưới 31%.

- Chiều thiếu hụt về giáo dục, đào tạo:

---

[1] Trung ương là trên 1.000 mô hình, dự án giảm nghèo
[2] Trung ương là 100.000 người
[3] Trung ương là 9.500 người
[4] Trung ương là 5.700 người
[5] Trung ương là 1.200 người

+ Tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi đạt 95%[6];

+ Tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và tỷ lệ người lao động thuộc vùng nghèo, vùng khó khăn qua đào tạo đạt 60%, trong đó có bằng cấp chứng chỉ đạt 30%; 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp có nhu cầu được hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề phù hợp.

- Chiều thiếu hụt về nhà ở: Có ít nhất 568[7] hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện nghèo An Lão được hỗ trợ nhà ở, đảm bảo có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững.

- Chiều thiếu hụt về nước sinh hoạt và vệ sinh: 100%[8] hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; ít nhất 65%[9] hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Chiều thiếu hụt về thông tin: 90% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet; 100% các hộ gia đình sinh sống địa bàn huyện nghèo được tiếp cận thông tin về giảm nghèo bền vững thông qua các hình thức xuất bản phẩm, sản phẩm truyền thông[10].

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi Chương trình

Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025 (viết tắt là Chương trình) được thực hiện trên phạm vi cả tỉnh. Trọng tâm là huyện nghèo.

2. Đối tượng Chương trình

a) Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo) trên phạm vi của tỉnh Bình Định. Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng; trẻ em, người khuyết tật, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

b) Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

c) Huyện nghèo An Lão theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025.

---

[6] Chưa có số liệu về học sinh hộ nghèo, cận nghèo đi học đúng độ tuổi (năm 2021 chung của tỉnh là 93% mầm non, 99,5 Tiểu học)

[7] Trung ương là 100.000 hộ nghèo, hộ cận nghèo.

[8] Trung ương là 90%

[9] Trung ương là 60%, năm cuối 2021, toàn tỉnh có 38.895 hộ nghèo, cận nghèo, chiếm 57,88% sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh, còn lại 10.473 hộ nghèo, cận nghèo, tỷ lệ 42,12% sử dụng nhà tiêu không hợp vệ sinh.

[10] Bằng chỉ tiêu trung ương

d) Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.

đ) Các tổ chức, cá nhân liên quan.

3. Thời gian thực hiện: Đến hết năm 2025.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Nhóm chính sách giảm nghèo chung

a) Chính sách tín dụng ưu đãi: Khoảng 200.000 lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo, các nhóm đối tượng khác được tiếp cận các nguồn vốn vay từ ngân hàng chính sách xã hội để tham gia phát triển sản xuất, vươn lên thoát nghèo và làm giàu. Dư nợ của Chương trình cho vay đến năm 2025 là 6.930.645 triệu đồng.

b) Chính sách hỗ trợ bảo hiểm y tế: Khoảng 600.000 lượt người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, người dân sinh sống vùng đặc biệt khó khăn được hỗ trợ thẻ bảo hiểm y tế, kinh phí 484.549 triệu đồng.

c) Chính sách hỗ trợ về giáo dục đào tạo: Hỗ trợ miễn giảm học phí, học bổng, chi phí sinh hoạt học tập cho học sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, trợ cấp học bổng, tiền ăn trưa cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi với số lượng 588.000 lượt học sinh, kinh phí 488.408 triệu đồng.

d) Hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo: Thực hiện hỗ trợ cho 92.000 lượt hộ nghèo và hộ chính sách xã hội, kinh phí 62.751 triệu đồng.

đ) Chính sách hỗ trợ về nhà ở: Từ các nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, nguồn huy động cộng đồng thực hiện hỗ trợ cho 5.600 hộ nghèo, kinh phí thực hiện khoảng 280.000 triệu đồng.

e) Chính sách trợ giúp pháp lý cho hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số: Trợ giúp pháp lý miễn phí cho khoảng 3.700 người thuộc hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn.

2. Nhóm dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ

2.1. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo An Lão

a) Mục tiêu: Xây dựng cơ sở hạ tầng liên kết vùng, thiết yếu, phục vụ dân sinh, sản xuất, lưu thông hàng hóa trên địa bàn huyện nghèo; hỗ trợ các địa bàn nghèo phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

b) Đối tượng: Huyện An Lão là huyện nghèo theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Nội dung hỗ trợ

- Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội liên kết vùng, thiết yếu trên địa bàn huyện (công trình đầu tư cấp huyện, liên xã) phục vụ dân sinh, sản xuất, thương mại, lưu thông hàng hóa và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, gồm:

+ Các công trình giao thông, cầu, hạ tầng điện phục vụ dân sinh, sản xuất;

+ Các công trình giáo dục đạt chuẩn quốc gia;

+ Các công trình y tế đạt chuẩn quốc gia;

+ Các công trình phục vụ nước sinh hoạt cho người dân;

+ Công trình thủy lợi phục vụ sản xuất;

+ Các công trình phục vụ nhu cầu về hoạt động văn hóa thể thao;

+ Các loại công trình xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội khác do cộng đồng nghèo trên địa bàn huyện nghèo đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, bản sắc dân tộc, văn hóa, nhu cầu của cộng đồng, phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật, ưu tiên công trình cho các cộng đồng nghèo, công trình có nhiều người nghèo, phụ nữ hưởng lợi.

Công trình đầu tư phải đảm bảo tính kết nối về giao thông, kinh tế, xã hội để hỗ trợ phát triển sản xuất, lưu thông hàng hóa, dịch vụ, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản liên xã, giữa xã với huyện hoặc kết nối huyện với các khu vực trung tâm, vùng động lực phát triển.

Công trình đầu tư phải phục vụ trực tiếp cho sản xuất và dân sinh, đáp ứng nhu cầu của người dân hưởng lợi, ưu tiên các công trình có nhiều người hưởng lợi là người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo, dân tộc thiểu số, phụ nữ.

- Hỗ trợ duy tu và bảo dưỡng các công trình phục vụ dân sinh, sản xuất, thiết yếu trên địa bàn huyện nghèo.

2.2. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

a) Mục tiêu: Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, xây dựng, phát triển và nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt, nâng cao chất lượng cuộc sống và thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho người nghèo; góp phần thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc, bảo vệ môi trường, tăng trưởng kinh tế và mục tiêu giảm nghèo bền vững.

b) Đối tượng:

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên phạm vi tỉnh; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo. Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo;

- Hộ gia đình, tổ, nhóm hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân; cơ sở đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; trung tâm nghiên cứu, khoa học, công nghệ, kỹ thuật; cơ sở sản xuất, kinh doanh khác xây dựng, nhân rộng, phát triển mô

hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế, thu nhập và chuyển giao khoa học, công nghệ, kỹ thuật, mô hình giảm nghèo cho người nghèo. Ưu tiên hỗ trợ các mô hình, dự án giảm nghèo triển khai trên địa bàn huyện nghèo; mô hình, dự án giảm nghèo, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh do người khuyết tật, dân tộc thiểu số, phụ nữ, học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo chủ trì thực hiện;

- Tạo điều kiện để người yếu thế, dễ bị tổn thương, có hoàn cảnh khó khăn được tham gia thực hiện mô hình, dự án giảm nghèo.

c) Nội dung hỗ trợ:

- Xây dựng, phát triển, nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, thương mại, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo; tập huấn, chuyển giao khoa học, kỹ thuật, công nghệ; dạy nghề, hướng nghiệp, tạo việc làm; hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, nguyên liệu sản xuất, vật tư, công cụ, máy móc, thiết bị, nhà xưởng sản xuất và điều kiện cơ sở vật chất; xúc tiến thương mại, tiếp cận thị trường, liên kết phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề với bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, cộng đồng với hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan và các nội dung khác theo quy định của pháp luật; mô hình giảm nghèo gắn với quốc phòng, an ninh;

- Tổ chức các hoạt động đa dạng hóa sinh kế khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng; phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật.

2.3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

- Mục tiêu: Hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp; đẩy mạnh phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập; gắn với quy hoạch sản xuất, đề án chuyển đổi cơ cấu sản xuất của địa phương theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, phát triển các sản phẩm có tiềm năng, thế mạnh tại địa phương, tạo giá trị gia tăng cho người sản xuất, thoát nghèo bền vững.

- Đối tượng:

+ Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên phạm vi tỉnh; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo;

+ Hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

- Nội dung hỗ trợ:

+ Phát triển sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp: Tập huấn kỹ thuật, tư vấn chuyển giao kỹ thuật, cung cấp cây trồng, vật nuôi, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và hỗ trợ khác theo quy định;

+ Phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng;

+ Tập huấn, tư vấn quản lý tiêu thụ nông sản, thí điểm, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả.

b) Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

- Mục tiêu: Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

- Đối tượng:

+ Trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo;

+ Phụ nữ mang thai và cho con bú, hộ gia đình, cơ sở y tế, trường học trên địa bàn huyện nghèo.

- Nội dung hỗ trợ:

+ Hỗ trợ tiếp cận, can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo;

+ Tăng cường hoạt động cải thiện chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; can thiệp phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng; bảo vệ, chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ học đường (trẻ từ 5 đến dưới 16 tuổi).

2.4. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

a) Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

- Mục tiêu: Phát triển giáo dục nghề nghiệp cả về quy mô và chất lượng đào tạo, hỗ trợ đào tạo nghề cho người nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn tỉnh, gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với tạo việc làm, sinh kế bền vững, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống.

- Đối tượng:

+ Người học nghề, lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động có thu nhập thấp;

+ Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh;

+ Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức và cá nhân có liên quan;

+ Các sở, ngành, địa phương được giao nhiệm vụ thực hiện các hoạt động của Tiểu dự án.

- Nội dung hỗ trợ:

+ Về cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh;

+ Xây dựng các chuẩn về giáo dục nghề nghiệp (gồm: tiêu chuẩn kỹ năng nghề; định mức kinh tế - kỹ thuật; quy định kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau tốt nghiệp; danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu; tiêu chuẩn cơ sở vật chất trong thực hành, thực nghiệm và thí nghiệm; giá tối đa dịch vụ giáo dục nghề nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước); phát triển hệ thống đánh giá cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia và hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp; phát triển chương trình, học liệu; phát triển nhà giáo và cán bộ quản lý phù hợp với đối tượng, trình độ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh;

+ Khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm trên địa bàn tỉnh;

+ Phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh;

+ Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp.

b) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

- Mục tiêu: Đẩy mạnh hoạt động đưa người lao động sinh sống trên địa bàn huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; hỗ trợ hoạt động đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ, kỹ năng nghề cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập và giảm nghèo bền vững, nhất là người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động trên địa bàn huyện nghèo.

- Đối tượng:

+ Người lao động có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài, cư trú trên địa bàn huyện nghèo (không bao gồm các địa bàn được hưởng cơ chế, chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài quy định tại Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030); ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo;

+ Cơ sở đào tạo, doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; các tổ chức, cá nhân tư vấn cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

+ Người lao động tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ để đi làm việc ở nước ngoài theo các hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận.

- Nội dung hỗ trợ:

+ Người lao động sinh sống trên địa bàn huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: tiền đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề, ngoại ngữ; hỗ trợ tiền

ăn, sinh hoạt phí, tiền ở trong thời gian tham gia đào tạo (bao gồm cả thời gian tham gia giáo dục định hướng), trang cấp đồ dùng cá nhân thiết yếu; chi phí khám sức khỏe, hộ chiếu, thị thực và lý lịch tư pháp; giới thiệu, tư vấn cho người lao động và thân nhân người lao động;

+ Một phần chi phí đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo các hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân tộc thiểu số, người lao động sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

c) Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

- Mục tiêu: Cung cấp thông tin thị trường lao động, đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung cầu lao động, hỗ trợ tạo việc làm bền vững cho người lao động, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

- Đối tượng:

+ Người lao động, ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo;

+ Người lao động sinh sống trên địa bàn huyện nghèo;

+ Các trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm trên địa bàn tỉnh và cơ quan, tổ chức có liên quan;

+ Cơ quan quản lý nhà nước các cấp.

- Nội dung hỗ trợ:

+ Về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sàn giao dịch việc làm trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu;

+ Xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc;

+ Hỗ trợ giao dịch việc làm;

+ Quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác;

+ Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động;

+ Hỗ trợ kết nối việc làm thành công.

2.5. Dự án 5. Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện nghèo

a) Mục tiêu: Hỗ trợ 568 hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện nghèo An Lão có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững.

b) Đối tượng:

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2021 - 2025) trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, đang cư trú trên địa bàn huyện nghèo và là hộ độc lập có thời gian tách hộ đến khi Chương trình có hiệu lực thi hành tối thiểu 03 năm;

- Đối tượng thụ hưởng dự án không bao gồm các hộ đã được hỗ trợ nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 và các chương trình, đề án, chính sách khác.

c) Nội dung hỗ trợ:

Xây mới hoặc sửa chữa, nâng cấp nhà ở hiện có; đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 30m^2, "3 cứng" (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng) và tuổi thọ căn nhà từ 20 năm trở lên.

2.6. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

a) Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

- Mục tiêu:

+ Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo sử dụng dịch vụ viễn thông, tiếp cận thông tin, giảm nghèo về thông tin;

+ Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống thông tin cơ sở; đảm bảo 100% xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo có hệ thống đài truyền thanh hoạt động, phục vụ tốt cho công tác thông tin, tuyên truyền và quản lý, điều hành tại địa phương;

+ Tăng cường thông tin, tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin thiết yếu cho xã hội, nhất là cung cấp thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo, thông tin cho người dân sinh sống trên địa bàn các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bao gồm thông tin về kiến thức, kỹ năng, mô hình, kinh nghiệm lao động, sản xuất, kinh doanh; truyền thông nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội, của người nghèo về công tác giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội bền vững;

+ Tăng cường tiếp cận thông tin thiết yếu cho cộng đồng dân cư; đảm bảo 100% xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo có điểm cung cấp thông tin công cộng phục vụ người dân sử dụng dịch vụ thông tin thiết yếu, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở các khu vực này.

- Đối tượng:

+ Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo;

+ Huyện nghèo;

+ Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Nội dung hỗ trợ:

+ Nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin và truyền thông;

+ Thiết lập các cụm thông tin điện tử công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền đối ngoại tại cửa khẩu và cung cấp nội dung thông tin phục vụ tuyên truyền;

+ Cung cấp dịch vụ thông tin công cộng tại các điểm cung cấp dịch bưu chính công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo;

+ Tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động thông tin cơ sở (bao gồm cơ sở vật chất cho hoạt động của Đài truyền thanh xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo), đồn biên phòng để cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội. Trên cơ sở ứng dụng công nghệ số, đẩy mạnh trang bị cơ sở vật chất, nền tảng cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội;

+ Hỗ trợ tăng cường nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội, ưu tiên đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo.

b) Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

- Mục tiêu: Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững nhằm khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng; nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng trợ giúp pháp lý, huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; tuyên truyền các gương điển hình, sáng kiến, mô hình tốt về giảm nghèo để thúc đẩy, nhân rộng và lan tỏa trong xã hội.

- Đối tượng:

+ Người nghèo, người dân tại các địa bàn thực hiện Chương trình;

+ Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Nội dung:

+ Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, sự kiện, chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, ấn phẩm truyền thông về giảm nghèo bền vững;

+ Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành và toàn xã hội về công tác giảm nghèo;

+ Hỗ trợ các cơ quan báo chí, xuất bản thông tin, tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững;

+ Tổ chức thực hiện phong trào thi đua "Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau", biểu dương, khen thưởng các địa phương, cộng đồng, hộ nghèo và tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực giảm nghèo;

+ Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông định hướng cho người dân tham gia, thụ hưởng chương trình; tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới;

+ Tổ chức các hoạt động đối thoại chính sách về giảm nghèo ở các cấp, các ngành, nhất là cơ sở;

+ Phát triển hoạt động trang thông tin điện tử về giảm nghèo.

2.7. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá

a) Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

- Mục tiêu: Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp nhằm hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo, phòng ngừa, hạn chế người dân rơi vào tình trạng nghèo đói; bảo đảm thực hiện Chương trình đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả, bền vững.

- Đối tượng:

+ Cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp, nhất là cấp cơ sở (cán bộ thôn, bản, đại diện cộng đồng, lãnh đạo tổ nhóm, cán bộ chi hội đoàn thể, cộng tác viên giảm nghèo, người có uy tín), chú trọng nâng cao năng lực cho cán bộ nữ;

+ Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Nội dung:

+ Xây dựng tài liệu và đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo; chú trọng các nội dung của Chương trình, giải quyết các chiều thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin. Nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác trợ giúp pháp lý, công tác xã hội, bình đẳng giới nhằm hỗ trợ hiệu quả cho người nghèo, đối tượng yếu thế, có hoàn cảnh khó khăn;

+ Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh; tổ chức hội thảo, hội nghị và các hoạt động khác về công tác giảm nghèo.

b) Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình

- Mục tiêu:

+ Thiết lập quy trình, hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình;

+ Tổ chức giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, đúng đối tượng và quy định của pháp luật.

- Đối tượng:

+ Cơ quan chủ trì thực hiện Chương trình các cấp, các cơ quan chủ trì các dự án thành phần/nội dung trong các dự án thành phần các cấp và các cán bộ được phân công phụ trách và tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá;

+ Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Nội dung thực hiện:

+ Xây dựng khung kết quả của Chương trình, gồm: Hệ thống các mục tiêu, chỉ tiêu đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo tiếp cận đa chiều; xây dựng quy trình, chi tiết hệ thống giám sát và đánh giá, hệ thống các biểu mẫu báo cáo, cơ chế thu thập thông tin; nội dung, cơ chế báo cáo; cách thức sử dụng thông tin của hệ thống giám sát và đánh giá cho quản lý và tổ chức thực hiện;

+ Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất;

+ Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm; tổ chức điều tra, đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ ở các cấp;

+ Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu giảm nghèo ở các cấp.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Tổng kinh phí (dự kiến): **861.531,3** triệu đồng *(Tám trăm sáu mươi mốt tỷ, năm trăm ba mươi mốt phẩy ba triệu đồng)*, cụ thể:

1. Đề xuất nguồn trung ương bố trí: 664.295 triệu đồng, trong đó:

a) Đầu tư phát triển: 264.230 triệu đồng;

b) Hỗ trợ sự nghiệp: 400.065 triệu đồng.

2. Đối ứng của địa phương (15% so với trung ương): 99.645 triệu đồng;

a) Đầu tư phát triển: 39.634,8 triệu đồng;

b) Hỗ trợ sự nghiệp: 60.010,2 triệu đồng.

3. Huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác: 97.591,3 triệu đồng.

(Có Phụ lục 1, Phụ lục 2 kèm theo).

V. GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về công tác giảm nghèo

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội, nhất là người dân nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong giảm nghèo bền vững; phát huy mạnh mẽ truyền thống đoàn kết, tinh thần "tương thân, tương ái" của dân tộc ta đối với các đối tượng yếu thế, người nghèo, người cận nghèo. Khơi dậy ý chí tự lực tự cường của người nghèo, chủ động vươn lên thoát nghèo, không trông chờ, ỷ lại vào sự giúp đỡ của Nhà nước và xã hội.

Các hoạt động tuyên truyền được thực hiện thường xuyên. Hoạt động tuyên truyền đa dạng về hình thức, nội dung phải phong phú. "Các gương điển hình trong phát triển sản xuất" làm nổi bật nhằm khuyến khích thúc đẩy được người dân, hộ nghèo, hộ cận nghèo nỗ lực vươn lên thoát nghèo.

Đổi mới, đẩy mạnh, nâng cao chất lượng phong trào thi đua "Cả nước chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau", khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, phát huy nội lực vươn lên "thoát nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no" của người dân và cộng đồng, phấn đấu "Vì một Việt Nam không còn đói nghèo".

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp

- Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm chỉ đạo, ban hành Chương trình giảm nghèo bền vững của tỉnh giai đoạn 2021-2025. Đặt ra các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về giảm nghèo ở từng cấp, từng ngành nhằm tạo động lực cho từng cơ quan, đơn vị, địa phương nỗ lực phấn đấu thực hiện đạt kết quả.

- Cấp ủy, chính quyền ở từng địa phương phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các dự án, chính sách triển khai trên địa bàn và đánh giá kết quả thực hiện theo các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra. Tăng cường vai trò chủ động của cấp xã, cộng đồng thôn trong việc lựa chọn, đề xuất các công trình được đầu tư gắn với nhu cầu thiết của người dân, địa phương, không dàn trải, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm nhằm sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn được đầu tư. Xây dựng các mô hình sản xuất, nhu cầu cây, con, giống với điều kiện canh tác, sản xuất của từng vùng, địa bàn, điều kiện và khả năng tham gia của từng hộ nghèo, cận nghèo, dân tộc thiểu số để hộ dân có cơ hội tiếp cận nguồn hỗ trợ của nhà nước tham gia mô hình sản xuất, tích lũy và từng bước vươn lên thoát nghèo. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở để người dân tham gia thi công, quản lý, giám sát đầu tư, khai thác, sử dụng các công trình cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ và các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp thực hiện vai trò giám sát trong quá trình tổ chức thực hiện dự án, chính sách của các cấp chính quyền. Huy động các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước để hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo để có cơ hội tiếp cận, phát triển sản xuất, từng bước thoát nghèo nhằm đảm bảo không để ai bỏ lại phía sau. Kịp thời phát hiện, phản ánh chính quyền các cấp về những tồn tại vướng mắc trong quá trình thực hiện.

3. Huy động vốn, lồng ghép nguồn lực để thực hiện Chương trình

Ngân sách nhà nước Trung ương giữ vai trò chủ đạo, đồng thời huy động tối đa các nguồn lực xã hội thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; bố trí vốn đối ứng từ ngân sách địa phương đảm bảo tỷ lệ vốn góp, phù hợp với tình hình thực tế và tăng cường các nguồn huy động, đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh. Người dân, đối tượng thụ hưởng khi tham gia dự án cùng tham gia đóng góp vốn đối ứng bằng tiền, hiện vật, ngày công để tăng tính trách nhiệm, sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí được hỗ trợ.

4. Cơ chế thực hiện

- Đẩy mạnh phân cấp, trao quyền cho địa phương, nhất là cấp cơ sở nhằm nâng cao tính chủ động, linh hoạt của các cấp trong quản lý, tổ chức thực hiện các

dự án, chính sách, chương trình. Phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư tham gia vào quá trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát tổ chức thực hiện các dự án, chính sách, chương trình.

- Thực hiện đồng bộ các biện pháp quản lý, sử dụng vốn tập trung, tiết kiệm, hiệu quả; khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, trùng lặp; tránh thất thoát, lãng phí và không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

- Áp dụng cơ chế đặc thù trong tổ chức thực hiện một số nội dung, hoạt động có sự đóng góp và tham gia thực hiện của cộng đồng, người dân. Ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần vốn, phần còn lại do người dân đóng góp và từ nguồn vốn hợp pháp khác tại địa phương để thực hiện dự án đầu tư xây dựng. Đóng góp của nhân dân có thể bằng tiền hoặc bằng hiện vật, ngày công lao động được quy đổi thành tiền, phải được tính trong giá trị công trình để theo dõi, quản lý tỷ lệ đóng góp đã được thống nhất; không hạch toán vào thu, chi ngân sách nhà nước.

- Thực hiện cơ chế đặt hàng xây dựng, hình thành, nhân rộng và phát triển dự án mô hình giảm nghèo nông nghiệp, phi nông nghiệp, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh, đa dạng hóa sinh kế cho người nghèo. Đảm bảo hiệu quả, đúng mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình. Hỗ trợ các tổ nhóm, cộng đồng, doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở kinh doanh; cơ sở giáo dục đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; trung tâm nghiên cứu, khoa học, kỹ thuật triển khai thực hiện các dự án giảm nghèo nông nghiệp và phi nông nghiệp, cung ứng dịch vụ, kết nối thị trường các sản phẩm, hàng hóa của người dân, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; khuyến khích thực hiện hỗ trợ dự án theo hình thức tổ nhóm do người dân, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tự nguyện tham gia, có đối ứng dự án (tiền, hiện vật, ngày công ...), cam kết tuân thủ các yêu cầu khi thực hiện tổ nhóm, trường hợp hỗ trợ theo tổ nhóm khó khăn hoặc không hiệu quả thì tổ chức hỗ trợ cho các hộ. Có cơ chế thu hồi, luân chuyển một phần kinh phí của Nhà nước để hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Đổi mới phương pháp thực hiện các hoạt động nâng cao năng lực, hạn chế thời lượng giảng dạy lý thuyết, tăng cường trao đổi, tương tác, thực hành, trải nghiệm gắn với từng công trình, dự án, tổ nhóm cụ thể. Có cơ chế đặt hàng cho các tổ chức, cá nhân có kiến thức, kinh nghiệm phù hợp theo từng nội dung nâng cao năng lực để tổ chức thực hiện.

5. Kiểm tra, giám sát, đánh giá

- Kiểm tra và giám sát, đánh giá được thực hiện chặt chẽ, đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở, theo sự phân cấp quản lý dự án, chính sách của các chương trình. Hoạt động kiểm tra và giám sát, đánh giá và tự giám sát, đánh giá thông qua kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu đã đạt được của chương trình.

- Hoạt động kiểm tra và giám sát, đánh giá có sự tham gia của các tổ chức, cá nhân, người dân, nhóm cộng đồng ở cơ sở; Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tham gia giám sát, đảm bảo tính minh bạch, hiệu quả hoạt động của Kế hoạch.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (cơ quan Thường trực)

- Chịu trách nhiệm chính trong tổ chức triển khai thực hiện các dự án, chính sách giảm nghèo, Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025. Theo dõi, đề xuất triển khai các dự án, chính sách cho huyện nghèo, vùng nghèo, xã nghèo. Đảm bảo người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm (chiều thiếu hụt về việc làm; tiêu chí về đào tạo).

- Tổng hợp phương án phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 và hằng năm gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương thực hiện Dự án 1, Dự án 2, Dự án 4, Dự án 7 và phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện tiểu dự án 2, Dự án 6 của Kế hoạch thực hiện Chương trình.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá Chương trình; tổng hợp, báo cáo 6 tháng, hằng năm, sơ kết, tổng kết và báo cáo đột xuất kết quả triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 3 của Kế hoạch thực hiện Chương trình; thực hiện hỗ trợ bảo đảm hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh (chiều thiếu hụt về về nước sinh hoạt).

- Kiểm tra, giám sát đánh giá kết quả thực hiện các nội dung chủ trì, quản lý của Kế hoạch; báo cáo 6 tháng, hằng năm, sơ kết, tổng kết và báo cáo đột xuất kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ, ngành quản lý và gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp chung của Kế hoạch thực hiện Chương trình.

3. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ngành của tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Tiểu dự án 2, Dự án 3 để cải thiện dinh dưỡng cho phụ nữ và trẻ em; chính sách hỗ trợ cho người dân, hộ nghèo tiếp cận thẻ bảo hiểm y tế và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh (chiều thiếu hụt về y tế và vệ sinh); hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh.

- Kiểm tra, giám sát đánh giá kết quả thực hiện các nội dung chủ trì, quản lý của Kế hoạch; báo cáo 6 tháng, hằng năm, sơ kết, tổng kết và báo cáo đột xuất kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ, ngành quản lý và gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp chung Kế hoạch thực hiện Chương trình.

4. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện tiểu dự án 1, Dự án 6 của Kế hoạch thực hiện Chương trình; chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet và các hộ gia đình sinh sống tại huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, xã đảo được tiếp cận thông tin qua hình thực xuất bản phẩm, sản phẩm truyền thông (chiều thiếu hụt về thông tin);

- Kiểm tra, giám sát đánh giá kết quả thực hiện các nội dung chủ trì, quản lý của Kế hoạch; báo cáo 6 tháng, hằng năm, sơ kết, tổng kết và báo cáo đột xuất kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ, ngành quản lý và gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp chung Kế hoạch thực hiện Chương trình.

5. Sở Xây dựng

- Chủ trì phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân An Lão triển khai thực hiện Dự án 5 của Kế hoạch hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện nghèo; hộ nghèo, hộ cận nghèo thiếu hụt về nhà ở được hưởng cơ chế, chính sách hỗ trợ nhà ở trên địa bàn tỉnh (chiều thiếu hụt về nhà ở);

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các nội dung chủ trì, quản lý của Kế hoạch; báo cáo 6 tháng, hằng năm, sơ kết, tổng kết và báo cáo đột xuất kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ, ngành quản lý và gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp chung Kế hoạch.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ban, ngành của tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện các chính sách hỗ trợ về giáo dục cho trẻ em con hộ nghèo, hộ cận nghèo đảm bảo tiêu chí đi học đúng độ tuổi (tiêu chí về giáo dục, đào tạo).

7. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ban, ngành của tỉnh, địa phương có liên quan căn cứ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và quy định tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương tổng hợp, cân đối, bố trí vốn, thẩm định nguồn vốn đầu tư phát triển từ ngân sách trung ương và vốn đối ứng của địa phương theo tiến độ và kế hoạch đầu tư hằng năm, trung hạn trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

8. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối, bố trí vốn sự nghiệp ngân sách trung ương và vốn đối ứng địa phương thực hiện Kế hoạch 5 năm, hằng năm đúng theo quy định;

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh có liên quan rà soát, xây dựng và ban hành quy định về quản lý và sử dụng kinh phí, thanh quyết toán kinh phí của Kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 đúng theo quy định.

- Kiểm tra định kỳ và đột xuất tình hình sử dụng kinh phí các chính sách, dự án thuộc Chương trình của các sở, ban ngành, địa phương thực hiện. Theo dõi, tổng hợp và báo cáo kết quả giải ngân nguồn ngân sách nhà nước thực hiện chương trình.

9. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

- Phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện tốt tín dụng chính sách xã hội đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác thông qua các dự án, chính sách hỗ trợ của nhà nước cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo để tham gia đối ứng nguồn vốn cho chính sách, dự án, nhất là các dự án tạo việc làm, phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo

- Phối hợp thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát đối với hoạt động tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn.

10. Cục Thống kê tỉnh

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng, ban hành và kiểm tra, đánh giá các mục tiêu, chỉ tiêu trong Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025, trường hợp có đề xuất, bổ sung mục tiêu, chỉ tiêu (nếu có) phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Định;

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham gia giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu dự án, chính sách tại các huyện, thị xã, thành phố; thống nhất báo cáo kết quả 6 tháng, hằng năm, sơ kết và tổng kết Kế hoạch thực hiện Chương trình.

11. Các Sở, ban, ngành có liên quan

Căn cứ các mục tiêu, chỉ tiêu, nội dung thực hiện của Kế hoạch, chủ trì, hướng dẫn thực hiện đối với lĩnh vực quản lý, theo dõi của cơ quan, đơn vị đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu trong giai đoạn 2021-2025.

12. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh

- Tuyên truyền, phổ biến người dân về chủ trương của Đảng thực hiện mục tiêu giảm nghèo bao trùm, nhằm xóa đói giảm nghèo cho mọi người, mọi nơi, mọi thời điểm và mọi chiều; giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo, phát sinh nghèo, hỗ trợ người nghèo, hộ cận nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản (việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, thông tin), nâng cao chất lượng cuộc sống; hỗ trợ các địa bàn nghèo thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn trong giai đoạn 2021-2025.

- Tiếp tục phát huy những kết quả đạt được trong công tác xóa đói giảm nghèo thông qua các phong trào thi đua "Cả nước chung tay vì người nghèo, không để ai bị bỏ lại phía sau" để huy động các nguồn lực ngoài ngân sách nhằm chăm lo đời sống cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; tích cực vận động xây dựng "Quỹ vì người nghèo" và thực hiện hiệu quả cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông

thôn mới, đô thị văn minh"; động viên, phát huy tính tự chủ của người dân trong việc thực hiện các chính sách, dự án của Kế hoạch.

- Tăng cường sự phối hợp tham gia giám sát thực hiện chính sách hỗ trợ giảm nghèo đảm bảo đúng đối tượng, góp phần thực hiện có hiệu quả chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về an sinh xã hội cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách xã hội.

13. Báo Bình Định và Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định

Phối hợp với các ngành, các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Nhà nước về giảm nghèo bền vững trong giai đoạn 2021-2025; kịp thời phát hiện và tuyên truyền những mô hình giảm nghèo hay, có hiệu quả ở các địa phương trong tỉnh, mở chuyên mục về công tác xóa đói giảm nghèo, qua đó nâng cao trách nhiệm của toàn xã hội trong việc thực hiện mục tiêu giảm nghèo đã đề ra.

14. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Chỉ đạo thực hiện việc tuyên truyền rộng rãi về mục đích, ý nghĩa của Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trong cán bộ, đảng viên và đến được với mọi tầng lớp nhân dân, để nhân dân biết, tham gia thực hiện và giám sát việc tổ chức, thực hiện các dự án của Kế hoạch nhằm nâng cao đời sống về vật chất, tinh thần trong đó có một bộ phận người nghèo, người cận nghèo, người mới thoát nghèo;

- Chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn đảm bảo với các mục tiêu, chỉ tiêu của tỉnh và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương; bố trí nguồn kinh phí địa phương để thực hiện đối ứng các dự án của Chương trình;

- Quản lý nguồn kinh phí được phân bổ cho địa phương, tổ chức thực hiện và phân cấp thực hiện đảm bảo theo các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn, tính minh bạch, công khai của Kế hoạch. Tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

- Huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác nhằm thực hiện hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo để nâng cao mức sống của nhóm đối tượng và tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản;

- Thực hiện lồng ghép các nguồn kinh phí được triển khai, phân bổ cho địa phương để cùng với nguồn kinh phí Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững sử dụng có hiệu quả, đạt mục tiêu, ý nghĩa của Chương trình;

- Thực hiện việc kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các dự án, chính sách của Kế hoạch; báo cáo 6 tháng, hằng năm, sơ kết, tổng kết và báo cáo đột xuất kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các Sở, ngành liên quan chủ trì các dự án để tổng hợp chung Kế hoạch./.

Phụ lục 1

TỔNG HỢP CÁC NGUỒN KINH PHÍ (DỰ KIẾN) THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 2440/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

Triệu đồng

STT	DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH	Tổng kinh phí 2021-2025	Chi tiết trong giai đoạn 2021-2025					Ghi chú
			Năm 2021	*Năm 2022*	*Năm 2023*	*Năm 2024*	*Năm 2025*	
	VỐN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG	**861.531,3**	**19.992,7**	**165.962,9**	**229.964,9**	**224.976,7**	**220.634,1**	
1	**Nguồn kinh phí Trung ương (dự kiến) bố trí**	**664.295,0**	**15.048,0**	**129.241,0**	**177.109,0**	**172.741,0**	**170.156,0**	
a)	Đầu tư phát triển	264.230,0		84.449,0	59.929,0	59.929,0	59.923,0	
b)	Hỗ trợ sự nghiệp	400.065,0	15.048,0	44.792,0	117.180,0	112.812,0	110.233,0	
2	**Nguồn kinh phí địa phương (dự kiến) đối ứng**	**99.645,0**	**2.257,2**	**19.386,5**	**26.566,4**	**25.911,3**	**25.523,6**	
a)	Đầu tư phát triển	39.634,8		12.667,5	8.989,4	8.989,40	8.988,5	
b)	Hỗ trợ sự nghiệp	60.010,2	2.257,2	6.719,0	17.577,0	16.921,90	16.535,1	
3	**Nguồn huy động khác**	**97.591,3**	**2.687,5**	**17.335,4**	**26.289,5**	**26.324,4**	**24.954,5**	
a)	Đầu tư phát triển	**30.065,6**	0,0	9.656,8	6.490,7	6.958,5	6.959,5	
b)	Hỗ trợ sự nghiệp	**67.525,7**	2.687,5	7.678,6	19.798,8	19.365,9	17.995,0	

Phụ lục 2

KINH PHÍ (DỰ KIẾN) CHI TIẾT CÁC DỰ ÁN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 2410/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

Triệu đồng

STT	DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH	Tổng kinh phí 2021-2025	Trong đó			Chi tiết trong giai đoạn 2021-2025														
						Năm 2021			Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025		
			Nguồn Trung ương	Đối ứng của địa phương	Huy động khác	Trung ương bố trí	Địa phương đối ứng	Huy động khác	Trung ương bố trí	Địa phương đối ứng	Huy động khác	Trung ương bố trí	Địa phương đối ứng	Huy động khác	Trung ương bố trí	Địa phương đối ứng	Huy động khác	Trung ương bố trí	Địa phương đối ứng	Huy động khác
I	**TỔNG NGUỒN KINH PHÍ**	**861.531,3**	**664.295**	**99.645,0**	**97.591,3**	**15.048**	**2.257,2**	**2.687,5**	**129.241**	**19.386,5**	**17.335,4**	**177.109**	**26.566,4**	**26.289,5**	**172.741**	**25.911,3**	**26.324,4**	**170.156**	**25.523,6**	**24.954,5**
1	**Đầu tư phát triển**	**333.930,4**	**264.230**	**39.634,8**	**30.065,6**	**0**	**0,0**	**0,0**	**84.449**	**12.667,5**	**9.656,8**	**59.929**	**8.989,4**	**6.490,7**	**59.929**	**8.989,4**	**6.958,5**	**59.923**	**8.988,5**	**6.959,5**
2	**Hỗ trợ sự nghiệp**	**527.600,9**	**400.065**	**60.010,2**	**67.525,7**	**15.048**	**2.257,2**	**2.687,5**	**44.792**	**6.719,0**	**7.678,6**	**117.180**	**17.577,0**	**19.798,8**	**112.812**	**16.921,9**	**19.365,9**	**110.233**	**16.535,1**	**17.995,0**
II	**CHI TIẾT TỪNG DỰ ÁN**	**861.531,3**	**664.295**	**99.645,0**	**97.591,3**	**15.048**	**2.257,2**	**2.687,5**	**129.241**	**19.386,5**	**17.335,4**	**177.109**	**26.566,4**	**26.289,5**	**172.741**	**25.911,3**	**26.324,4**	**170.156**	**25.523,6**	**24.954,5**
1	**Dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo**	**250.832,2**	**197.055**	**29.558,3**	**24.218,9**	**0**	**0,0**	**0,0**	**63.414**	**9.512,2**	**7.473,9**	**47.458**	**7.118,7**	**5.558,4**	**43.091**	**6.463,7**	**5.593,3**	**43.092**	**6.463,7**	**5.593,3**
	Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu huyện An Lão	**250.832,2**	197.055,0	29.558,3	24.218,9	0	0,0		63.414	9.512,2	7.473,9	47.458,0	7.118,7	5.558,4	43.091,0	6.463,7	5.593,3	43.092,0	6.463,7	5.593,3
a)	Đầu tư phát triển	**228.061,1**	179.141	26.871,2	22.048,9				61.619	9.242,9	7.262,3	39.174	5.876,1	4.617,0	39.174	5.876,1	5.084,8	39.174	5.876,1	5.084,8
b)	Duy tu bảo dưỡng (10% đầu tư)	**22.771,1**	17.914	2.687,1	2.170,0				1.795	269,3	211,6	8.284	1.242,6	941,4	3.917	587,6	508,5	3.918	587,6	508,5
2	**Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo**	**162.301,2**	**117.361**	**17.604,2**	**27.336,0**	**2.556**	**383,4**	**575,1**	**12.396**	**1.859,4**	**3.718,8**	**34.136**	**5.120,4**	**7.680,6**	**34.136**	**5.120,4**	**7.680,6**	**34.137**	**5.120,6**	**7.680,9**
3	**Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng**	**87.814,9**	**67.175**	**10.076,5**	**10.563,4**	**6.492**	**973,8**	**1.460,7**	**5.363**	**804,5**	**804,5**	**18.439**	**2.765,9**	**2.765,9**	**18.439**	**2.765,9**	**2.765,9**	**18.442**	**2.766,4**	**2.766,4**
a)	Tiểu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	69.189,7	52.848	7.927,4	8.414,3	6.492	973,8	1.460,7	5.363	804,5	804,5	13.663	2.049,5	2.049,5	13.663	2.049,5	2.049,5	13.667	2.050,1	2.050,1
b)	Tiểu dự án 2. Cải thiện dinh dưỡng	18.625,2	14.327	2.149,1	2.149,1					0,0		4.776	716,4	716,4	4.776	716,4	716,4	4.775	716,3	716,3
4	**Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững**	**279.959,3**	**225.496**	**33.825,0**	**20.638,3**	**6.000**	**900**	**651,7**	**42.427,0**	**6.364,2**	**4.303,1**	**58.863**	**8.829,6**	**5.209,0**	**58.862**	**8.829,5**	**5.209,0**	**59.344**	**8.901,7**	**5.265,5**
a)	***Đầu tư phát triển***	**105.869,3**	85.089	12.763,6	8.016,7	0	0,0	0,0	22.830	3.424,6	2.394,5	20.755	3.113,3	1.873,7	20.755	3.113,3	1.873,7	20.749	3.112,4	1.874,7
b)	***Hỗ trợ sự nghiệp***	**174.090,0**	140.407	21.061,4	12.621,6	6.000	900,0	651,7	19.597	2.939,6	1.908,6	38.108	5.716,3	3.335,3	38.107	5.716,2	3.335,3	38.595	5.789,3	3.390,8
4.1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	**231.602,3**	184.018	27.603,0	19.981,3	6.000	900,0	651,7	38.373	5.756,0	4.168,1	46.386	6.953,0	5.034,9	46.386	6.953,0	5.034,9	46.873	7.031,4	5.091,7
a)	Đầu tư phát triển	91.187,4	72.452	10.868,0	7.867,4				21.735	3.260,3	2.360,9	16.907	2.536,1	1.835,2	16.907	2.536,1	1.835,2	16.903	2.535,5	1.836,2

STT	DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH	Tổng kinh phí 2021-2025	Trong đó			Chi tiết trong giai đoạn 2021-2025														
						Năm 2021			Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025		
			Nguồn Trung ương	Đối ứng của địa phương	Huy động khác	Trung ương bố trí	Địa phương đối ứng	Huy động khác	Trung ương bố trí	Địa phương đối ứng	Huy động khác	Trung ương bố trí	Địa phương đối ứng	Huy động khác	Trung ương bố trí	Địa phương đối ứng	Huy động khác	Trung ương bố trí	Địa phương đối ứng	Huy động khác
b)	Hỗ trợ sự nghiệp	140.414,9	111.566	16.735,0	12.113,9	6.000	900,0	651,7	16.638	2.495,7	1.807,2	29.479	4.421,9	3.199,7	29.479	4.421,9	3.199,7	29.970	4.495,5	3.255,5
4.2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	**2.956,6**	2.409	361,4	186,2				224	33,6	17,3	730	109,5	56,4	729	109,4	56,4	726	108,9	56,1
4.3	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	**45.400,4**	39.069	5.860,6	470,8				3.830	574,6	117,7	11.747	1.762,1	360,9	11.747	1.762,1	360,9	11.745	1.761,8	360,9
a)	Đầu tư phát triển	14.681,9	12.637	1.895,6	149,3				1.095	164,3	33,7	3.848	577,2	38,6	3.848	577,2	38,6	3.846	576,9	38,5
b)	Hỗ trợ sự nghiệp	30.718,5	26.432	3.965,0	321,5				2.735	410,3	84,0	7.899	1.184,9	79,1	7.899	1.184,9	79,1	7.899	1.184,9	79,2
5	**Dự án 5. Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo**	**19.392,0**	**12.120**	**1.818,0**	**5.454,0**							**4.990**	**748,5**	**2.245,5**	**4.990**	**748,5**	**2.245,5**	**2.140**	**321,0**	**963,0**
	Huyện An Lão	**19.392,0**	**12.120**	**1.818,0**	**5.454,0**							4.990	748,5	2.245,5	4.990	748,5	2.245,5	2.140	321,0	963,0
6	**Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin**	**19.249,7**	**12.794**	**1.919,0**	**4.536,7**				**868**	**130,2**	**319,1**	**4.049**	**607,3**	**1.454,1**	**4.049**	**607,3**	**1.454,1**	**3.828**	**574,2**	**1.309,4**
a)	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	**9.570,1**	5.348	802,2	3.419,9				386	57,9	246,8	1.730	259,5	1.106,3	1.730	259,5	1.106,3	1.502	225,3	960,5
b)	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	**9.679,6**	7.446	1.116,8	1.116,8				482	72,3	72,3	2.319	347,8	347,8	2.319	347,8	347,8	2.326	348,9	348,9
7	**Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình**	**41.982,0**	**32.294**	**4.844,0**	**4.844,0**				**4.773**	**716,0**	**716,0**	**9.174**	**1.376,0**	**1.376,0**	**9.174**	**1.376,0**	**1.376,0**	**9.173**	**1.376,0**	**1.376,0**
a)	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	**27.426,0**	21.097	3.164,5	3.164,5				3.118	467,7	467,7	5.993	898,9	898,9	5.993	898,9	898,9	5.993	899,0	899,0
b)	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	**14.556,0**	11.197	1.679,5	1.679,5				1.655	248,3	248,3	3.181	477,1	477,1	3.181	477,1	477,1	3.180	477,0	477,0